

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

1  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HC - ST  
Ngày: 22 – 12 – 2023  
V/v: Khiếu kiện quyết định xử phạt hành  
chính của Chủ tịch UBND xã Thuận Đức  
về lĩnh vực đất đai.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Dương Đức Bản

Ông Hà Xuân Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố  
Đồng Hới

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên tòa:** Bà  
Võ Thị Hoàng Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố  
Đồng Hới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 02/2014/TLST-HC  
ngày 16/6/2014 về việc “*Khiếu kiện quyết định xử phạt hành chính của Chủ tịch  
UBND xã T về lĩnh vực đất đai*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:  
164/2023/QĐXXST-HC ngày 30/8/2023; Thông báo về việc hoãn phiên tòa số:  
131/2023/TB-HPT ngày 11/9/2023; Thông báo về việc hoãn phiên tòa số:  
149/2023/TB-HPT ngày 26/9/2023; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 180/TB-  
TA ngày 11/10/2023; Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 156/2023/TB-HPT ngày  
ngày 26/9/2023; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 120/TB-TA ngày 08/11/2023;  
Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 168/2023/TB-HPT ngày ngày 22/11/2023;  
Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 195/TB-TA ngày 06/12/2023 giữa các đương  
sự:

- Người khởi kiện: Ông Phan Trọng T, sinh năm: 1976; địa chỉ: Thôn T, xã T,  
thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Ông T có mặt.

- *Người bị kiện*: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Đ bà Trần Thị Như Ý; địa chỉ: UBND xã T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Bà Ý có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phan Trọng T: Ông Diệp Kiến T1 – Luật sư Văn phòng L; địa chỉ: Số B đường M, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Ông T1 có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Á (Đã chết - Trích lục khai tử số 17 ngày 02/10/2019 của Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Đ).

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị Á:

1. Ông Phan Trọng T, sinh năm: 1976; địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Ông T có mặt.

2. Chị Phan Thị Lan A, sinh năm: 1998; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn Nông Trường V, huyện B, tỉnh Quảng Bình (Con đẻ bà Á). Chị Lan A có mặt.

3. Anh Phan Văn D (Đã chết - Trích lục khai tử số 15 ngày 17/10/2017 của Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Đ).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/5/2014, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người khởi kiện ông Phan Trọng T trình bày:*

Ông và vợ là Trần Thị Á là công nhân có kí hợp đồng nhận khoán với Lâm trường Đồng Hới thuộc Công ty L1 về trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng (Hợp đồng khoán số 142/HĐKT - PT2-NN). Do vậy, gia đình ông được Lâm trường giao cho một diện tích đất vườn khoảng 5.000m<sup>2</sup> là vườn bạch đàn lô b4 kb-TK261 do Lâm trường quản lí để làm nhà ở theo chủ trương dân dân của Nhà nước và trồng rừng sản xuất. Giấy giao đất do ông Nguyễn Hữu B - Giám đốc Lâm trường ký ngày 12/4/2001. Trên diện tích đất vườn nhà ở được lâm trường cấp, vợ chồng ông T đã bỏ rất nhiều công sức, thời gian để nhặt lượm bom đạn, khai hoang phục hóa, trồng cây, làm nhà ở từ đó đến nay không có tranh chấp với cá nhân hay tổ chức nhà nước nào. Gia đình được lâm trường cho vay vốn hộ nghèo để trồng cây phát triển kinh tế trên đất vườn được cấp và ổn định kinh tế gia đình. Từ đó đến nay lâm trường không có một ý kiến nào về việc thu hồi đất vườn đã cấp cho gia đình ông T. Ông T cho rằng khoảng đất 5.000m<sup>2</sup> gồm vườn gắn liền với nhà ở do Lâm trường giao cho là hợp pháp, không có sự việc gia đình ông lấn chiếm đất đai.

Vào ngày 17/6/2013, trong lúc ở nhà chỉ có mình vợ ông là bà Á thì ông V chủ tịch xã đã cho lực lượng cán bộ của xã gồm xã đội, công an đến cưỡng chế, chặt phá vườn tràm trong vườn nhà của ông bà. Tiếp đó, vào lúc 9 giờ sáng ngày 03/7/2013, trong lúc gia đình ông đi vắng ông V điều máy ủi, máy xúc đến đào bới hàng trăm khối đất, đào hào chia mảnh vườn gia đình ông ra làm 2 phần và phá hoại hầu như tất cả cây cối trong vườn nhà. Không chấp nhận việc lấy đất không có thông báo, không có quyết định thu hồi, không có bồi thường thu hồi đất cho gia đình mình; vợ chồng

ông T mua cây con về trồng lại trên đất vườn nhà bị cán bộ xã T đào bới, chặt phá cây cối; đưa máy vào nhà đào hào phân cách vườn nhà của ông bà. Với lập luận phần đất vườn của gia đình ông T mà UBND xã T dùng máy đào hào phân cách là đất công của xã quản lý, vợ chồng ông bà trồng cây trên đất đó là lấn chiếm đất. Ngày 05/9/2013, chủ tịch xã Nguyễn Duy V1 đã ký Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 82/QĐ-CT ngày 03/9/2013 đối với gia đình ông T bà Á vì đã trồng cây lấn chiếm đất của xã quản lý (khu đất của gia đình ông T mà ông V1 cho máy đào hào chín tách ra) với mức phạt 2 triệu đồng và buộc nhổ cây đã trồng lại trên phần đất đó và cho rằng ông T tái lấn chiếm đất.

Ngày 26/9/2013, chủ tịch Nguyễn Duy V1 lại ký Quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế để thi hành quyết định xử phạt hành chính số 89/QĐCC-CT buộc nhổ bỏ cây trồng trên chính đất của gia đình sản xuất hơn mười năm nay và nộp 2 triệu đồng tiền xử phạt hành chính. Ngày 12/12/2013, ông V1 đã tổ chức đoàn cưỡng chế với một lực lượng hùng hậu do ông Bích p chủ tịch xã T, cán bộ địa chính, công an xã, xã đội đã tiến hành cưỡng chế đào phá vườn nhà ông. Nghe tin báo, ông T đang làm việc ở gần đó đã chạy về thấy việc làm của đoàn cưỡng chế không đúng pháp luật, ông đã yêu cầu họ dừng lại vì đất của mình chưa có quyết định thu hồi đất; chưa tiến hành thủ tục bồi thường đất và tài sản là cây trồng trên đất cho gia đình ông trước khi thu hồi đất. Thế nhưng ông B1 - Phó chủ tịch xã đã ra lệnh cho ông V2 công an xã cùm tay ông T lại. Khi ông T bị còng hai tay lại thì anh S công an viên bóp cổ, dùng dùi cui đánh vào đầu làm ông T bị thương tích ra nhiều máu phải đưa đi cấp cứu và nằm điều trị tại bệnh viện Đ, tỉnh Quảng Bình. Không chỉ dừng ở đó, ông Nguyễn Duy V1 còn ký tiếp Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 06/QĐ-CT ngày 21/01/2014 với nội dung phạt tiền 2 triệu đồng và buộc dỡ bỏ phần cây mà vợ chồng ông T nhặt lại các cây bị xã đào phá rào lại vườn nhà.

Hai quyết định xử phạt VPHC trong lĩnh vực đất đai của Chủ tịch UBND xã T đối với ông với nội dung cho rằng đã lấn chiếm đất trái phép; dựng hàng rào trái phép trên đất lấn chiếm là trái với quy định của pháp luật đất đai. Bởi vì mảnh đất đó lại là mảnh đất của gia đình ông T canh tác hơn 10 năm, được lâm trường cấp, chưa có cấp thẩm quyền nào thu hồi; do vậy vợ chồng ông T là người sử dụng đất hợp pháp trên mảnh đất đó. Thế thì sao lại bảo vợ chồng ông trồng cây trên đất lấn chiếm và dựng hàng rào lấn chiếm đất. Việc UBND xã T đưa máy đào đến đào hào chia cắt đất trong vườn rồi ra quyết định xử phạt hành chính ông T vì đã trồng lại cây và rào lại vườn trên mảnh đất vườn mình bị UBND xã đào hào chia tách đất vườn trong khi không có một quyết định thu hồi đất nào của cơ quan có thẩm quyền là việc làm vi phạm pháp luật đất đai .

Luật đất đai quy định chỉ có cơ quan có thẩm quyền cấp đất mới được thu hồi đất đó là UBND tỉnh hay UBND thành phố Đ; đối với trường hợp đất vườn nhà của gia đình ông cũng vậy. Còn UBND xã T không có chức năng và quyền hạn thu hồi đất. Việc thu hồi đất phải theo đúng mục đích và điều kiện pháp luật quy định; việc

UBND xã T tự ý đưa máy đào đến đào hào chia tách đất gia đình ông đã thu hồi trong khi không có quyết định thu hồi đất và đền bù đất thu hồi là trái pháp luật.

Ông T trình bày nguồn gốc 5.000m<sup>2</sup> đất của gia đình đang sử dụng là Giám đốc Lâm trường bố trí cho đất vườn làm nhà ở theo chế độ chính sách giảm dân của nhà nước và theo tiêu chuẩn hộ gia đình của công nhân lâm trường từ những năm 2001 như ông đã trình bày ở trên chứ không phải do lấn chiếm đất đai mà có. Từ năm 2001 đến nay, trên diện tích đất đó, gia đình ông đã trồng cây và sử dụng đất theo chế độ đất rừng sản xuất, không có tranh chấp. Hàng năm ông nộp thuế đất đầy đủ cho Nhà nước. Do đó, tuy chưa được cấp GCNQSD đất nhưng bản thân gia đình ông T là những người sử dụng đất hợp pháp theo quy định của Luật đất đai hiện hành. Thế nhưng ông chủ tịch UBND xã T Nguyễn Duy V1 đã cố tình làm ngơ trước thực tế đó; không có chức năng cũng tiến hành thu hồi đất; tạo cơ sở cho ông T “lấn chiếm đất công” rồi lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực lấn chiếm đất đai và tiến hành tổ chức cưỡng chế, chặt phá rừng cây, dùng máy xúc đào hào ngang dọc khoanh vùng trên đất vườn; đánh ông T bị trọng thương... đó là những hành vi hành chính trái pháp luật làm phương hại đến tài sản, sức khỏe của gia đình ông. Thiệt hại mà ông Nguyễn Duy V1, chủ tịch UBND xã T gây ra cho gia đình ông do hành vi hành chính ra quyết định hành chính và tổ chức cưỡng chế trái pháp luật như sau: Thiệt hại về cây cối trong vườn bị chặt phá, húc đổ là: 26.000.000 đồng, 200 cây 3 năm tuổi trị giá: 200 cây x 50.000 đồng = 10.000.000 đồng; 100 cây trăm 5 năm tuổi trị giá : 100 cây x 100.000 đồng = 10.000.000 đồng; 6 cây xà cừ 10 năm tuổi trị giá: 6 cây x 1.000.000 = 6.000.000 đồng. Tiền điều trị vết thương, dưỡng sức khỏe, tổn thất tinh thần : 20.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay ông Phan Trọng T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy bỏ các quyết định hành chính của ông Nguyễn Duy V1, chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T gồm: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 82 ngày 03/9/2013 và Quyết định số 06 ngày 21/01/2014;

- Quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế để thi hành quyết định xử phạt hành chính số 89 ngày 26/9/2013;

- Tuyên bố hành vi cưỡng chế trong lĩnh vực đất đai đối với gia đình ông T ngày 12/12/2013 của Ủy ban nhân dân xã T theo chỉ đạo của ông Nguyễn Duy V1 là trái pháp luật;

- Buộc ông V1 phải xin lỗi công khai gia đình ông T;

- Buộc ông V1 bồi thường thiệt hại cho gia đình ông T số tiền 47.600.000 đồng (theo đơn xin sửa đổi bổ sung phần yêu cầu đền bù ngày 23/9/2014 và ý kiến tại phiên tòa hôm nay ngày 22/12/2023).

- *Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa người bị kiện Chủ tịch UBND xã T, thành phố Đ trình bày:*

Quá trình nguồn gốc của thửa đất: Hộ ông T, bà Á sinh sống trên thửa đất số 242, tờ bản đồ số 4 diện tích 1428m<sup>2</sup> tại thôn T, xã T. Nguồn gốc thửa đất do Lâm trường Đồng Hới cấp để làm nhà, vườn cho công nhân mà không có quyết định cấp đất, giao đất chỉ có giấy viết tay do ông Trần Hữu B2 viết. Quá trình sử dụng ông T có hành vi coi nới, trồng cây lấn chiếm đất của Lâm trường, đất giao thông và khu đất nghĩa địa do UBND xã quản lý. UBND xã và lâm trường đã kiểm tra, nhắc nhở nhiều lần.

Quá trình thu hồi đất và tổ chức cưỡng chế: Thực hiện quyết định 2010/QĐ-UBND ngày 25/8/2008 của UBND thành phố Đ về phê duyệt quy hoạch xây dựng khu dân cư ngã 3 thôn T. UBND xã đã thực hiện thu hồi theo Quyết định 3741/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của thành phố theo quy định về thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân để giải phóng mặt bằng. UBND tỉnh đã ban hành quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 24/3/2010 của UBND tỉnh Q về việc cho phép UBND xã T chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất xây dựng đường nội vùng khu dân cư ngã 3 thôn T, xã T. UBND xã T chuyển đổi mục đích sử dụng 60.047,6 m<sup>2</sup> đất do UBND xã quản lý sang sử dụng vào mục đích xây dựng khu dân cư thôn T. Quá trình thu hồi, giải phóng mặt bằng thực hiện đúng quy định. Ngày 25/3/2013, UBND xã phát hiện ông T có hành vi trồng cây bạch đàn trên phần đất của Lâm trường đã được nhà nước thu hồi giao cho UBND xã quản lý. Ngày 04/4/2013 Chủ tịch UBND xã ra Quyết định số 30 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông T và yêu cầu trong vòng 10 ngày phải nhổ bỏ toàn bộ cây đã trồng. Ông T không chấp hành nên ngày 11/6/2013 UBND xã ra Quyết định số 52 về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế để thi hành quyết định trên và thành lập ban chỉ đạo thi hành quyết định cưỡng chế. Ngày 18/6/2013, UBND xã T tổ chức thi hành lực lượng cưỡng chế có sự chứng kiến của một số hộ dân. Sau đó, ông T tiếp tục vi phạm nên UBND xã T tiếp tục lập hồ sơ xử lý vi phạm đất đai và ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 82 ngày 03/9/2013. Ngày 20/9/2013 tiến hành áp dụng biện pháp cưỡng chế nhưng do bão số 10 nên chưa thực hiện được. Ngày 12/12/2013 U với công ty trách nhiệm hữu hạn X thi công công trình thì có xảy ra va chạm với gia đình ông T. Sau đó ông T tiếp tục hành vi trồng cây trên diện tích đất trên. UBND xã đã lập biên bản ra công văn đề nghị chấm dứt hành vi vi phạm nhưng ông T không chấp hành. Ngày 28/04/2014 đã tiến hành giải quyết đơn của ông T, bà Á kết luận: (i) Diện tích đất thuộc quy hoạch xây dựng khu dân cư Ngã ba T (5,042 ha) do UBND xã T quản lý không có đất của hộ gia đình ông T. (ii) Tài sản trên đất của Lâm trường Đ1 thuộc Công ty L1 đã đền bù theo quy định. (iii) Theo đơn kêu cứu của ông T, bà Á thì có khai hoang đất tại khu dân cư ngã 3 thôn T, xã T là không đúng vì phần diện tích đất này đã được Lâm trường Đ1 giao trả cho UBND xã T quản lý. (iv) Diện tích nhận khoán rừng thông trong đơn của ông T thuộc địa bàn huyện B quản lý. (v) Không có bằng chứng xác nhận việc Lâm trường Đ trước đây có giao 5000m<sup>2</sup> đất cho hộ ông T.

Ngày 07/3/2014 UBND thành phố tổ chức buổi đối thoại trực tiếp giữa các phòng, ban, đơn vị, địa phương liên quan với đơn của ông T, bà Á. Ngày 12/3/2014 UBND thành phố Đ đã có thông báo số 55/TB- UBND kết luận của đồng chí Chủ tịch UBND thành phố tại buổi họp giải quyết đơn kêu cứu của ông T, bà Á về đền bù GPMB nhưng ông T, bà Á không đồng ý với thông báo kết luận nên đã gửi đơn kêu cứu lần 2 cho các cơ quan cấp trên.

Biên bản đối thoại ngày 26/7/2023, người bị kiện khai: Bản đồ xác lập đo vẽ năm 2001, căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất của từng gia đình thì anh T được công nhận tại thửa 242, diện tích 1428 (bản đồ địa chính ngày 14/9/2001). Năm 2014 diện tích của ông T được đo vẽ lại là thửa 187, tờ bản đồ 02, diện tích 1842m<sup>2</sup>. Phần diện tích mà ông T cho rằng được Lâm Trường Đ cấp thì UBND xã chỉ chấp nhận với diện tích của ông T nói cấp cho mình đó là thửa 49 tờ bản đồ số 4 (bản đồ đo vẽ 2001) nay bản đồ đo vẽ năm 2014 thuộc thửa 184, tờ bản đồ số 02, nguồn gốc đất do UBND xã T quản lý.

Tại phiên tòa hôm nay bà Trần Thị Như Ý – Chủ tịch UBND không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Phan Trọng T với các ý kiến mà bà đã trình bày như trên. Về yêu cầu bồi thường của ông T bà cũng không đồng ý và cho rằng việc bồi thường UBND xã T đã thực hiện việc bồi thường với Lâm trường Đồng Hới đúng theo quy định của pháp luật.

*\* Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Á tại bản tự khai ngày 01/7/2014:* Bà là công nhân nhận khoán rừng Lâm trường Đ và được giao diện tích đất khoảng 5000m<sup>2</sup>. Sau đó được cấp đất làm nhà theo chính sách dân dân do ông Nguyễn Hữu B ký ngày 12/4/2001. Vợ chồng bà đã thực hiện việc trồng cây, làm nhà. Quá trình sử dụng đất không có tranh chấp với ai. Hiện Lâm trường không có quyết định thu hồi đất. Khoảng 5000m<sup>2</sup> gồm vườn và nhà không lấn chiếm đất đai. Sáng ngày 18/6/2013 Chủ tịch UBND xã T tiến hành cưỡng chế nhà đất đối với gia đình bà. Quá trình cưỡng chế nhà đất gây thương tích cho chồng mình là ông T, gây thiệt hại về tài sản. Bà Á đã điện cho Cơ quan Công an, đưa ông T đi cấp cứu.

*\* Ý kiến của chị Phan Thị Lan A là người thừa kế quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Á:* Chị là con của ông Phan Trọng T và bà Trần Thị Á (bà Á đã mất năm 2019). Đất đai gia đình bố chị là ông Phan Trọng T ở và sử dụng do Lâm trường giao cho từ năm 2001 vì mẹ chị là công nhân Lâm trường. Gia đình đã khai hoang phục hóa và sử dụng đất từ đó đến nay sử dụng lâu dài, toàn hố bom, bố mẹ chị trồng cây bạch đàn không có tranh chấp đất. Gia đình giáp đất với ông T2, hiện nay ông T2 vẫn trồng cây tràm, đến khi có bão bố mẹ chị chặt cây bị ngã và trồng lại cây. Lợi dụng bố mẹ chị chặt cây ngã do bão thì UBND xã T đã cưỡng chế lấy đất của bố mẹ chị. Nay bố mẹ chị làm đơn yêu cầu hủy các quyết định của Chủ tịch UBND xã T chị là người kế thừa của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mẹ chị bà Trần Thị Á. Chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

*\* Tại phiên tòa:*

Người khởi kiện, người bị kiện đều giữ nguyên quan điểm, ý kiến của mình.

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của Luật Tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Người khởi kiện; người bị kiện đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Vụ án được thụ lý từ ngày 17/6/2014, quá trình tố tụng Tòa án đã nhiều lần ra quyết định tạm đình chỉ và gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử dẫn đến vụ án bị kéo dài. Ngày 25/8/2023 ra quyết định đưa vụ án ra xét xử là không đảm bảo quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử tại Điều 130 Luật Tố tụng hành chính, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Viện kiểm sát đề nghị tập hợp vi phạm để kiến nghị chung.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 31; khoản 1 Điều 28; điểm d khoản 1 Điều 38; Điều 58; Điều 66, Điều 67 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Pháp lệnh lệ phí, án phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn T3.

- Về án phí và chi phí tố tụng: Người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí dân sự theo đúng quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của những người tham gia tố tụng, Đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Phan Trọng T khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, Quyết định cưỡng chế của Chủ tịch UBND xã T đối với gia đình ông Phan Trọng T. Ông Phan Trọng T yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi cưỡng chế trái pháp luật của Chủ tịch UBND xã T gây ra cho gia đình ông. Do đó, quan hệ tranh chấp là khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Đương sự yêu cầu hủy quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch ủy ban nhân dân xã T nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới theo Điều 28, Điều 29 Luật tố tụng hành chính năm 2010; khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật tố tụng hành chính năm 2015, Điều 31 Luật tố tụng hành chính năm 2015. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

**[2] Về nội dung:** Căn cứ các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 82 ngày 03/9/2013 và số quyết định 06 ngày 21/01/2014 của Chủ tịch UBND xã T; Quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế số 89 ngày 26/4/2013 để thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND xã T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Hội đồng xét xử xét thấy:

*[2.1] Về trình tự thủ tục ban hành các quyết định hành chính:* Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 82, số F và Quyết định cưỡng chế số 89 đều do chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T ban hành, được ban hành đúng trình tự, thủ tục cũng như thẩm quyền và hình thức theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm d khoản 1 Điều 38; Điều 58; Điều 66; Điều 67; Điểm a khoản 1 Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có hiệu lực ngày 01/7/2013. Tuy nhiên, tại Quyết định số 82 ngày 03/9/2013 thì UBND xã T căn cứ vào Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính năm 2002, sửa đổi bổ sung để ra ban hành Quyết định xử phạt là không đúng căn cứ, tại thời điểm trên Luật xử phạt vi phạm hành chính năm 2012 đã có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên không làm ảnh hưởng đến bản chất của việc ra Quyết định để xử phạt vi phạm của ông T.

**[2.2] Về nội dung quyết định hành chính:**

**[2.2.1]** Theo hợp đồng khoán rừng đã được ký kết giữa bà Á (vợ ông T đã chết) và Công ty Đ1 thì bà Á nhận khoán tổng diện tích rừng trồng là 16ha. Bà Á có nguyện vọng được bố trí lô đất làm nhà theo hình thức giãn dân. Năm 2001, thửa đất trên được đo đạc và thể hiện rõ theo bản đồ địa chính là thửa 242, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.428m<sup>2</sup>, tiếp giáp với khu vực trồng rừng của Lâm trường Đ. Không có căn cứ thể hiện Chi nhánh Đ1 giao diện tích 5000m<sup>2</sup> cho ông T, bà Á như trình bày. Đối với diện tích trồng rừng đã ký kết là diện tích thuộc khu vực xã L, huyện B được thể hiện rõ tại Báo cáo số 28/BC-UBND ngày 25/3/2014 của UBND thành phố Đ giải quyết đơn kêu cứu của ông Phan Trọng T.

Đối với diện tích đất mà ông T cho rằng là của gia đình ông đã thuộc diện tích đất mà UBND thành phố Đ và UBND tỉnh Q đã giao cho UBND xã T theo các quyết định được ban hành đó là: Quyết định 3741/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của thành phố theo quy định về thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân để giải phóng mặt bằng + tập bồi thường hỗ trợ tái định cư; Quyết định 2010/QĐ-UBND ngày 25/8/2008 của UBND thành phố Đ về phê duyệt quy hoạch xây dựng khu dân cư ngã 3 thôn T; Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 24/3/2010 của UBND tỉnh Q về việc cho phép UBND xã T chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất xây dựng đường nội vùng khu dân cư ngã 3 thôn T, xã T; Quyết định 3414 ngày 29/9/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do giải phóng mặt bằng khu dân cư ngã 3 thôn T, xã T.

Như vậy, phần đất anh gia đình ông T trồng cây thuộc quyền quản lý của UBND xã T, không phải không phải phần đất của gia đình ông đã được Lâm Trường cấp 1.428m<sup>2</sup>. Quá trình quản lý đất đai UBND xã T đã phát hiện gia đình ông T có hành



vi trồng cây trên phần đất của Lâm trường đã được bàn giao cho UBND xã. Do đó, ngày 03/9/2013 Chủ tịch UBND xã T ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 82 đối với ông T về hành vi trên. Ngày 26/9/2013 Chủ tịch UBND xã T ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện Quyết định số 82 ngày 03/9/2013. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định phần đất ông T có hành vi trồng cây thuộc quyền quản lý của UBND xã T.

[2.2.3] UBND xã T đã lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông T về hành vi vi phạm nêu trên là đúng lỗi vi phạm. Do vậy, Chủ tịch UBND xã ban hành Quyết định số 82 về việc xử phạt vi phạm hành chính và yêu cầu ông T phải nhổ bỏ toàn bộ số cây vi phạm, trả nguyên hiện trạng ban đầu của đất như trước khi vi phạm là đúng quy định của pháp luật. Do ông T không tự nguyện chấp hành Quyết định số 82 nên ngày 26/9/2013 Chủ tịch UBND xã ban hành Quyết định số 89 về việc cưỡng chế buộc thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Phan Trọng T là đúng quy định tại Điều 86 Luật xử lý vi phạm hành chính. Việc ban hành Quyết định số 89 nhằm đảm bảo cho việc thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 82 là cần thiết.

Vì ông T tiếp tục có hành vi vi phạm nên ngày 30/12/2013, UBND xã T đã lập biên bản vi phạm hành chính và ngày 21/01/2014 ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 06 là đúng quy định về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo khoản 1 Điều 28; điểm d khoản 1 Điều 38; Điều 58; Điều 66; Điều 67 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

[2.3] Tại Công văn số 138/CV-CNLT ngày 30/10/2023 của Chi nhánh Đ1 thuộc Công ty TNHH L1: Chi nhánh Đ1 đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV L1 có nhiệm vụ Quản lý, bảo vệ và tổ chức sản xuất trên diện tích rừng và đất rừng được giao bao gồm: Trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng kinh tế, cây cao su; khai thác nhựa T4, mủ Cao su; Khai thác gỗ rừng trồng và các lâm sản ngoài gỗ theo kế hoạch; Thực hiện các nhiệm vụ khác khi Công ty TNHH MTV L2 yêu cầu. Năm 2001 Lâm trường Đ1 do ông Nguyễn Hữu B (đã chết) làm giám đốc đã ký Hợp đồng số 142/HĐK PT2-NN Hợp đồng khoán Trồng rừng, chăm sóc, làm giàu, kinh doanh, bảo vệ với bà Trần Thị Á (đã chết) là vợ ông Phan Trọng T hộ dân sinh sống trên địa bàn xã T, (bản sao kèm theo). Hợp đồng số 142 có ghi rõ nội dung khoán khai thác nhựa thông với bà Trần Thị Á tại 4 lô rừng thông nhựa (không phải cây bạch đàn) trồng thuần loài từ 20-24 tuổi với thời hạn 10 năm. Theo đó, bà Trần Thị Á nhận khai thác nhựa thông, giao sản phẩm cho Lâm trường và được Lâm trường thanh toán tiền công. Rừng thông thuộc sở hữu của Lâm trường. Đến tháng 9 năm 2008 Lâm trường mới tuyển dụng bà Trần Thị Á làm công nhân. Toàn bộ 4 lô rừng thông khoán tại Hợp đồng số 142 thuộc địa giới hành chính xã L, huyện B năm 2008 đã được chuyển đổi sang trồng cao su theo quyết định chuyển đổi cây trồng của UBND tỉnh Q. Đối với bản sao Giấy viết tay của Giám đốc Lâm trường lúc đó là ông Nguyễn Hữu B ký ngày 12/4/2001 có nội dung chỉ đạo các phòng, ban trong Lâm trường bố trí cho bà Trần Thị Á vị trí làm một

vườn nhà theo chương trình dự án từ năm 2001 trở đi, mà Chi nhánh Đ1 nhận được từ Tòa án kèm theo Công văn số 2370/TA-DS đối chiếu với các văn bản hiện đang lưu trữ tại Chi nhánh Lâm trường có nét chữ viết tay giống của ông Nguyễn Hữu B nguyên giám đốc Lâm trường Đ1. Hồ sơ lưu trữ của đơn vị không tìm thấy bản viết tay này. Vị trí nhà ông Thể hiện n đúng như mô tả trong giấy viết tay.

Hồ sơ lưu trữ về dự án di dân dân tại Lâm trường Đ cho đến năm 2000, không có tên hộ bà Trần Thị Á, từ năm 2001 lâm trường Đ không thực hiện dự án di dân dân theo chủ trương của nhà Nước. Tuy nhiên, diện tích đất mà Lâm trường đã bố trí cho bà Á làm nhà vẫn được gia đình ông T sử dụng cho đến nay. Giai đoạn 1992 – 2000 Lâm trường Đ1 là một Tiểu dự án trong Dự án di dân dân của tỉnh Quảng Bình do C quản lý với mục đích di dân đến các khu kinh tế mới. Lâm trường vận động và bố trí đất ở và đất sản xuất cho các hộ tham gia trong quỹ đất do mình quản lý. Chi cục Điều động lao động sau đó sẽ thẩm định và kết luận việc di dân dân của hộ có thành công hay không. Nếu thành công, hộ sẽ được hỗ trợ vốn và được cung cấp các ưu đãi kèm theo của dự án. Một Thẻ di (dẫn) dân được cấp cho các hộ thực hiện thành công. Với một hộ di dân dân thành công sẽ được Chi cục Điều động lao động tỉnh cấp từ 800 - 1.500 m<sup>2</sup> đất thổ cư tùy theo điều kiện quỹ đất mà Lâm trường Đ có. Ngoài ra hộ còn có thể được cấp thêm đất canh tác, đất rừng, mặt nước ... nếu có. Diện tích các loại đất được cấp được ghi cụ thể tại thẻ di (dẫn) dân của từng hộ. Theo quy định, thẻ D1 (dẫn) dân không thay thế Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng là cơ sở để chứng minh nguồn gốc sử dụng đất khi hộ đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chính quyền. Hộ bà Trần Thị Á dù được Lâm trường Đ1 bố trí cho đất làm nhà để tham gia dự án nhưng vì tham gia muộn nên không được cấp thẻ và không được hưởng các chế độ ưu đãi của dự án như các hộ khác. Sau khi dự án kết thúc, Lâm trường Đ cũng đã thực hiện đúng trách nhiệm của mình, bàn giao diện tích mà Chi cục Điều động lao động đã cấp cho các hộ tham gia dự án về các địa phương quản lý, tạo điều kiện cho các hộ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định Luật đất đai nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho người dân. Cơ quan đã cấp đất cho các hộ tham gia Dự án di dân dân tại Lâm trường Đ là Chi cục Điều động lao động của tỉnh Quảng Bình thể hiện cụ thể từng loại đất tại Thẻ di (dẫn) dân cấp cho các hộ trên cơ sở quỹ đất do Lâm trường Đ đóng góp. Hộ bà Á không có thẻ di (dẫn) dân tức là không được cấp đất. Dù không được dự án hỗ trợ do tham gia muộn nhưng chỉ đạo của ông Nguyễn Hữu B tại giấy viết tay nhằm bố trí cho bà Á đất làm nhà vẫn được thực hiện giống như các hộ khác, diện tích đất thổ cư và đất vườn sẽ nằm trong khoảng 800-1500m<sup>2</sup>. Gia đình ông Phan Văn T3 làm nhà và sinh sống hợp pháp trên mảnh đất được Lâm trường bố trí đến nay cũng thể hiện sự quan tâm của chính quyền địa phương ở đó đối với gia đình ông.

[2.4] Đối với các yêu cầu khác của ông Phan Trọng T: Ông T yêu cầu buộc công khai xin lỗi và bồi thường thiệt hại, do ông T có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đã bị Chủ tịch UBND xã T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành

chính và ông T không tự nguyện thi hành nên Chủ tịch UBND xã T ra Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng theo quy định của pháp luật; mặt khác UBND xã T đã thực hiện việc chi trả bồi thường đối với Lâm Trường Đồng H nên không có nghĩa vụ phải thực hiện việc bồi thường cho ông Phan Văn T3. Tại phiên tòa ông T3 xin thay đổi yêu cầu bồi thường thiệt hại từ số tiền 55.100.000 đồng xuống còn 47.600.000 đồng; về nội dung này HĐXX chấp nhận việc thay đổi trên. Tuy nhiên, xét các yêu cầu không có căn cứ nên các yêu cầu buộc công khai xin lỗi và yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 47.600.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Trọng T khởi kiện Chủ tịch UBND xã T.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Phan Trọng T không được chấp nhận, căn cứ vào khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng Hành chính; Pháp lệnh lệ phí, án phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Ông Phan Trọng T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét thấy lời trình bày của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 3; 8; 30; 31; 48; 115; 116; 193; 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm d khoản 1 Điều 38; Điều 58; Điều 66; Điều 67 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

- Căn cứ Pháp lệnh lệ phí, án phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

### **Tuyên xử:**

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Trọng T về việc khiếu kiện hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 82 ngày 03/9/2013 và số quyết định 06 ngày 21/01/2014 của Chủ tịch UBND xã T; Quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế số 89 ngày 26/4/2013 để thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND xã T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

### **2. Về án phí:**

2.1. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Phan Trọng T phải nộp 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm để sung quỹ nhà nước. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Phan Trọng T đã nộp theo biên lai số AA/2010/04531 ngày 13/6/2014 của

Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Đồng Hới. Ông T đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Trọng T phải chịu nộp 2.380.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

3. Án xử công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/12/2023).

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Tuyết Minh**





[4.3.3] Đối với phần tường xây cao 0,4m phần còn lại nằm trên hành lang giao thông dài 0,94m và móng xây cao 0,2m nằm trên hành lang giao thông dài 5,84m theo Sơ đồ thửa đất đo vẽ hiện trạng các thửa đất số 228 và 229 tờ bản đồ số 25 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ ngày 13/12/2022 thì phần tường xây cao 0,4m và móng xây cao 0,2m được xây dựng nằm trên hành lang đường giao thông Lý Thánh T5. Anh Bùi Tuấn A1 và chị Bùi Thị Thanh T6 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với phần diện tích này. Tuy nhiên, đây là một phần diện tích trong tổng diện tích  $6,78\text{m}^2$  ( $5,84\text{m} \times 0,94\text{m}$ ) của móng và tường mà bị đơn xây dựng có lấn chiếm ra hành lang đường giao thông, nên Hội đồng xét xử kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý với phần diện tích lấn chiếm trên.